CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cấp nước Thanh Hóa

Ngày 31/12/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0.0%**

DT thuần
Q4/25
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.0| -9.3%
YoY: ▲ 6.00| 5.3%

LN thuần
Q4/25
19.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -0.5%
YoY: ▲ 0.30| 1.6%

LN sau thuế
Q4/25
17.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.90| -25.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
16.5%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE
2025
14.6%
YoY: +/-▼ 0.4%

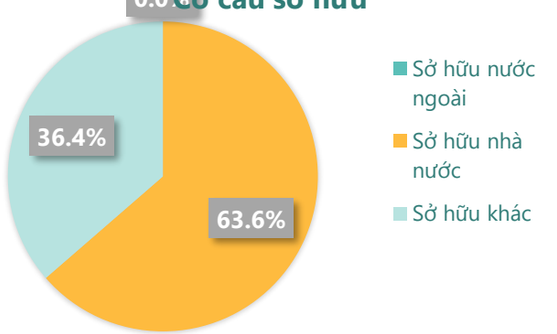
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 3,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125
Số lượng CPLH (CP)	32,995,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.00
EPS	1,905
P/E	2.0

DT thuần
2025
475
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0| 4.1%

LN thuần
2025
69.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90| 2.8%

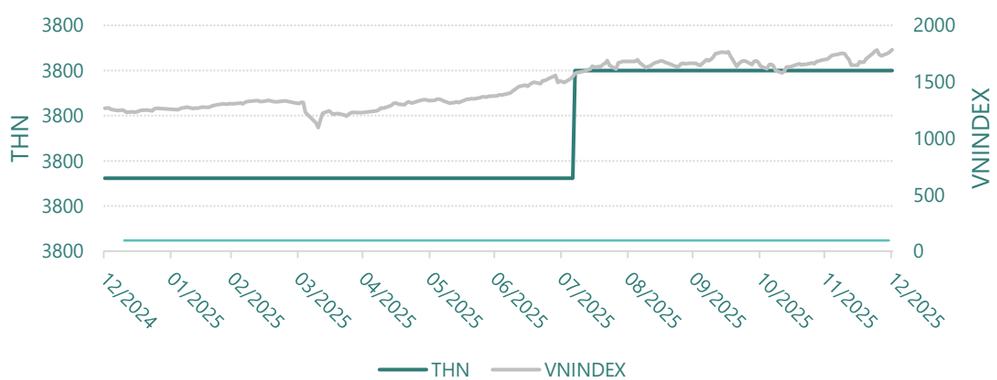
LN sau thuế
2025
62.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80| 1.3%

Cơ cấu sở hữu

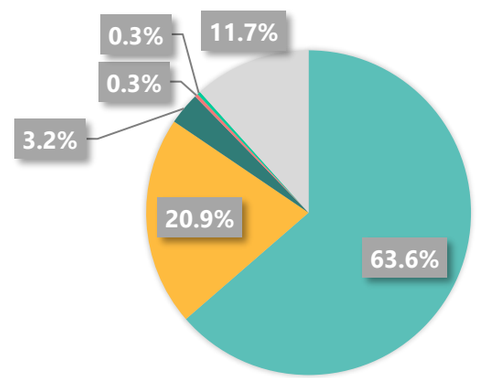


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



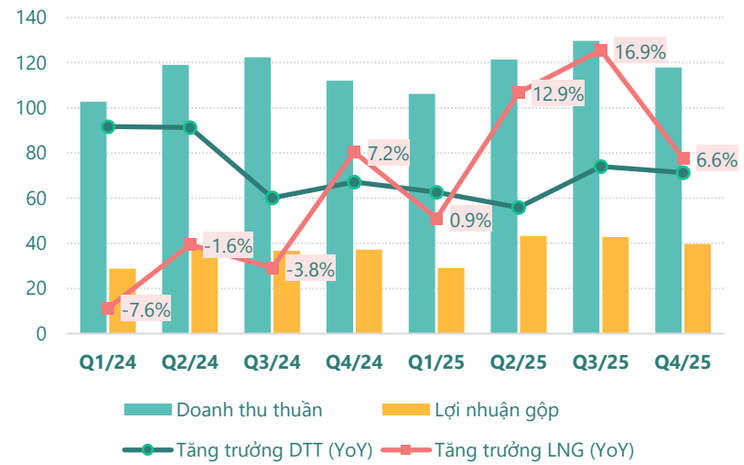
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

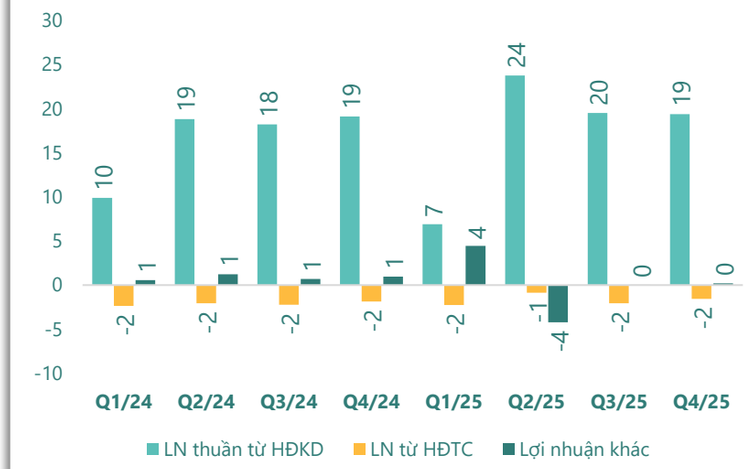
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



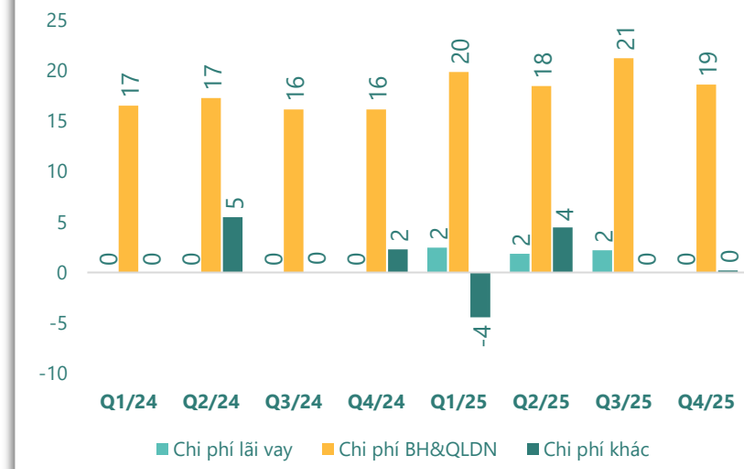
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



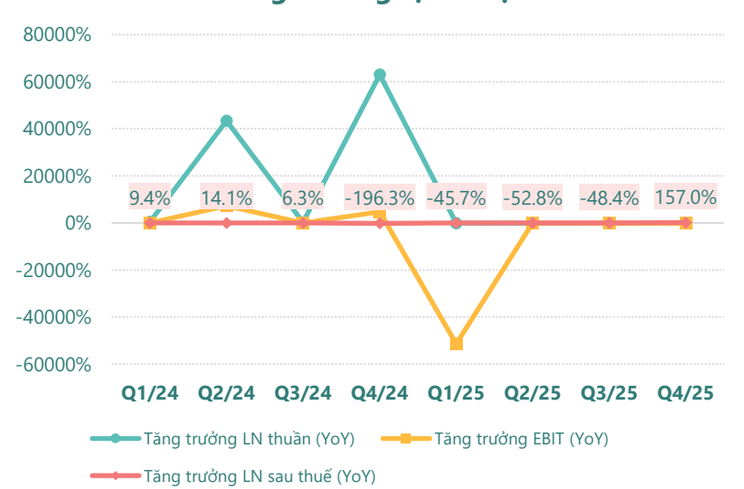
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



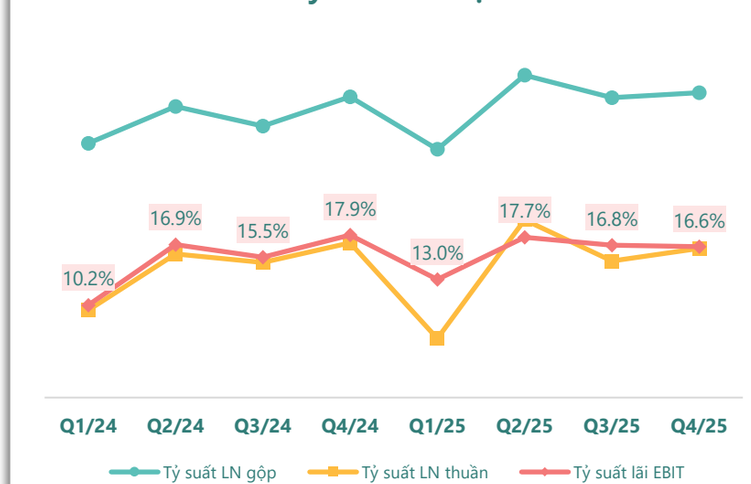
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



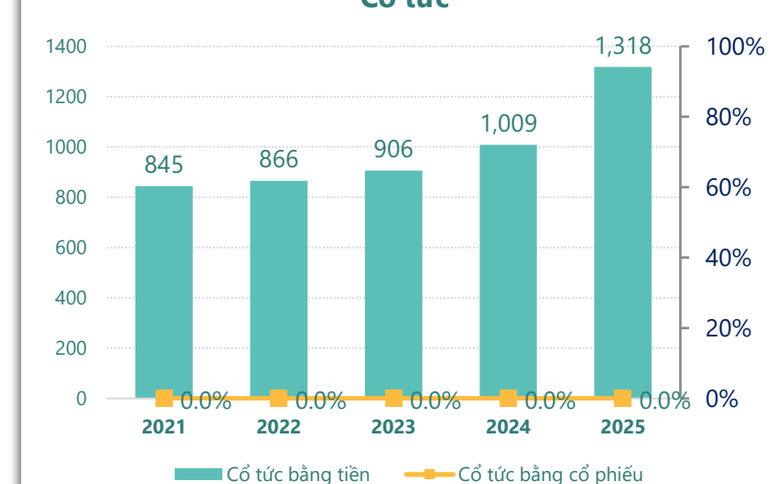
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

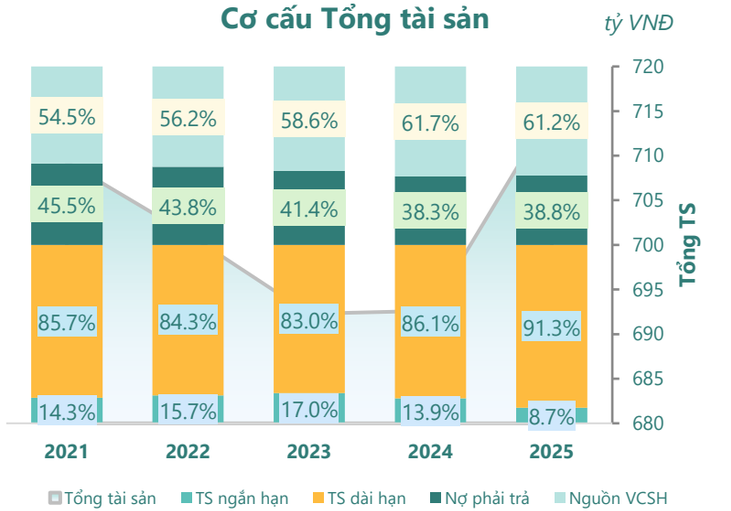
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

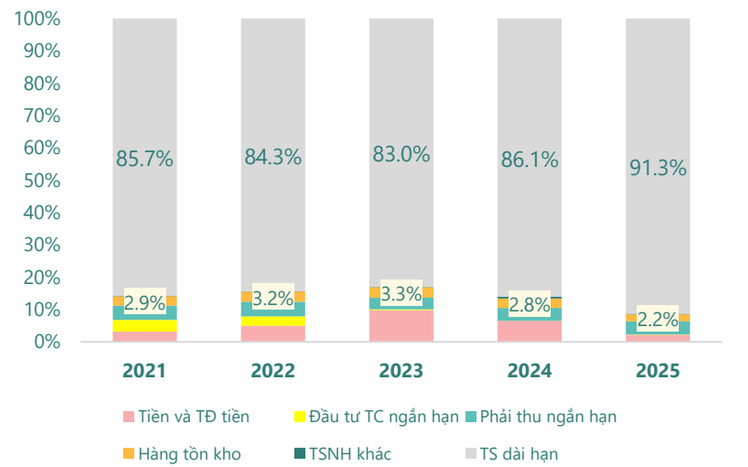
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



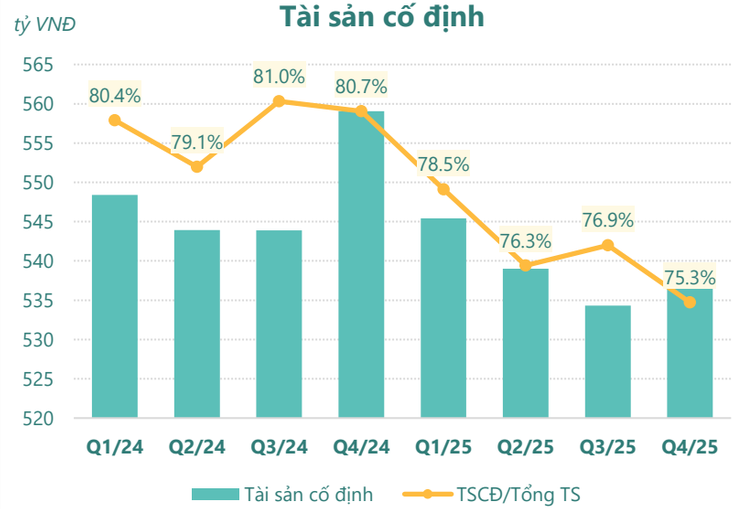
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



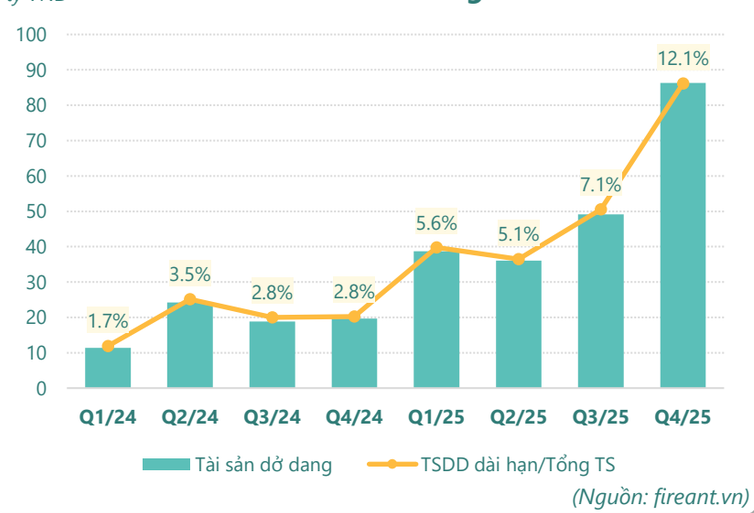
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



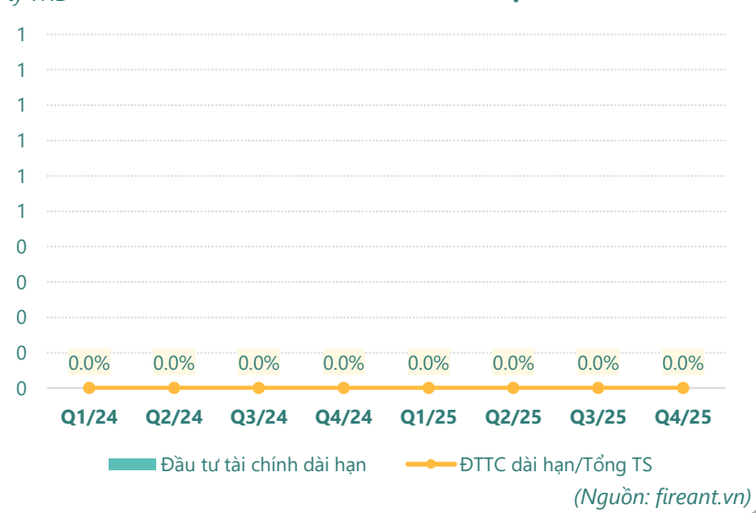
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



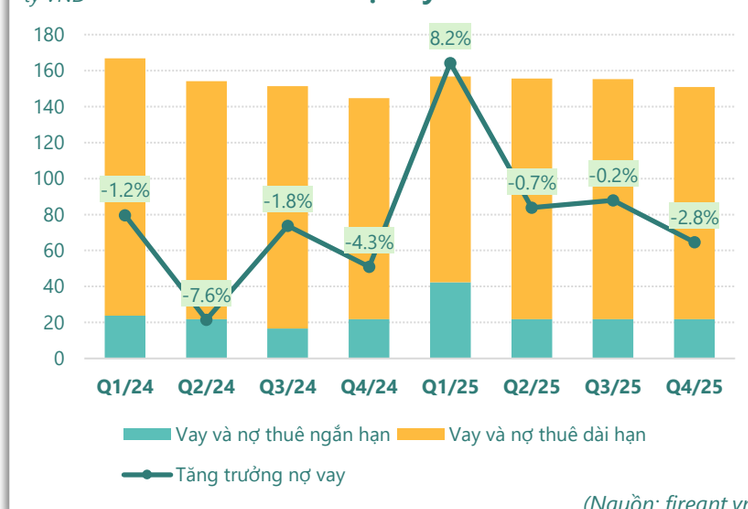
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

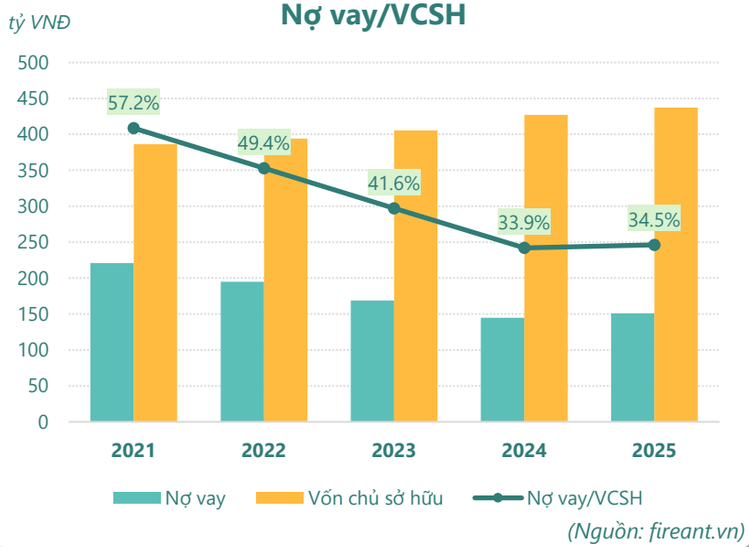
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

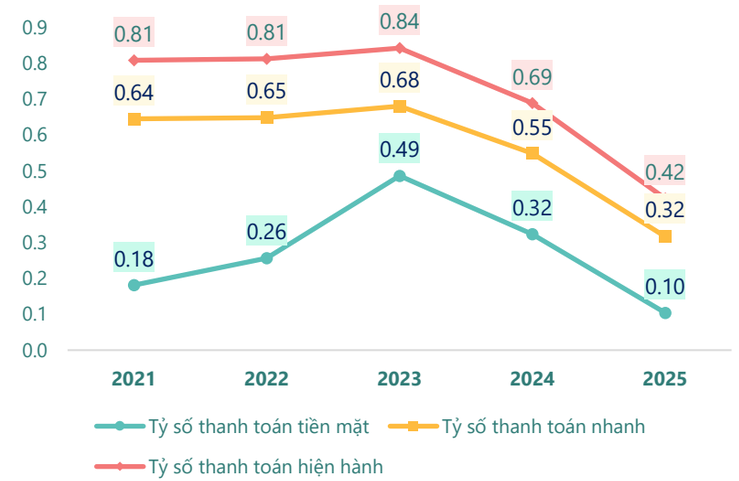
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



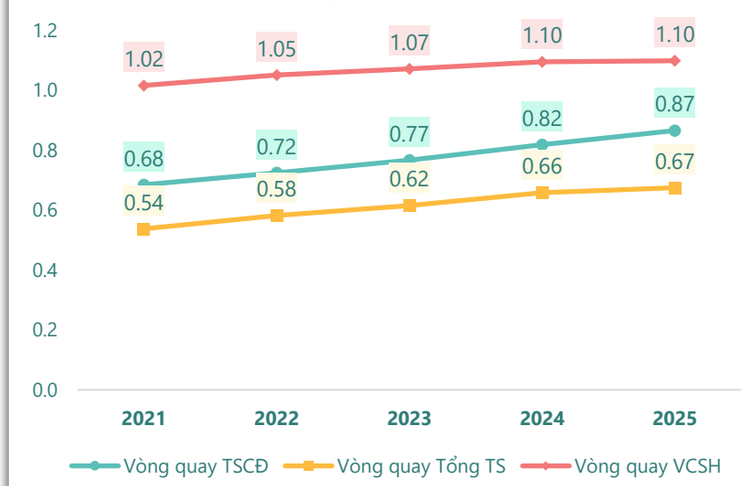
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



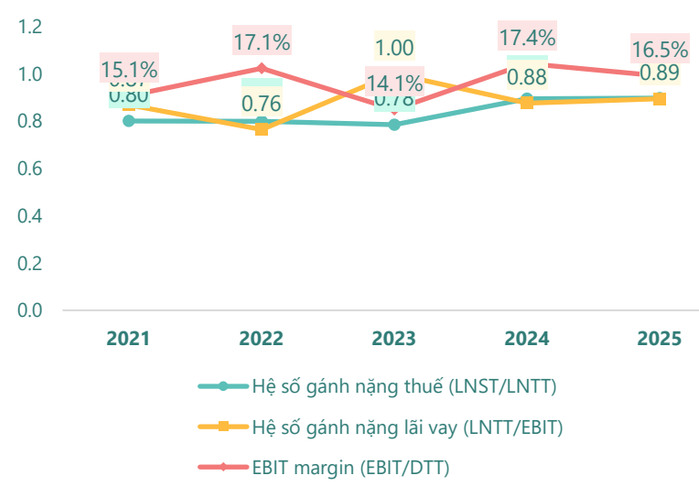
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



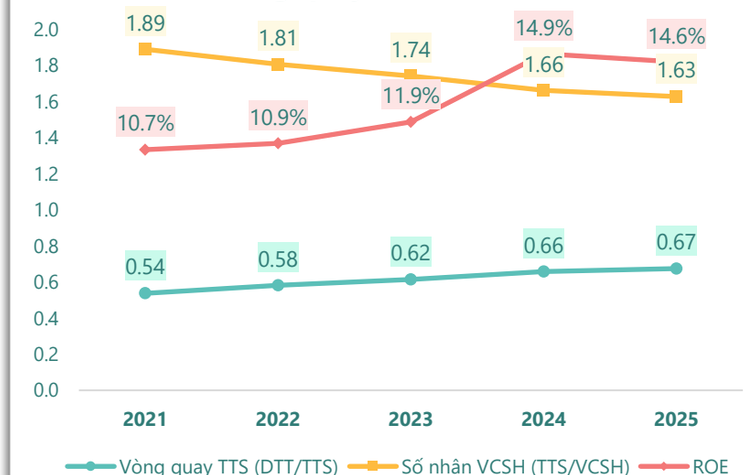
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



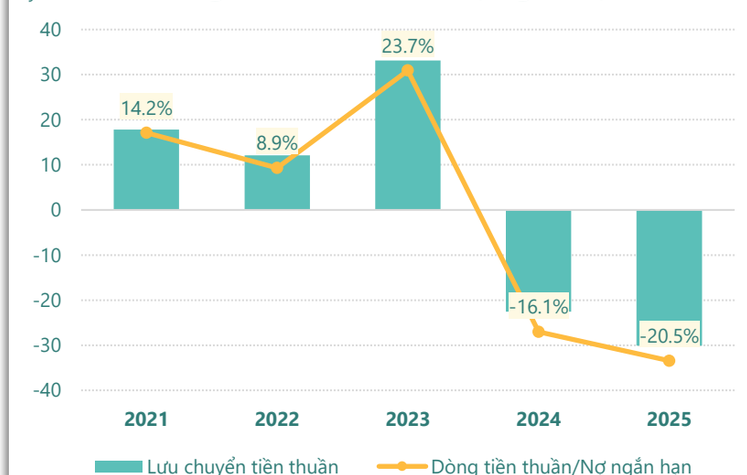
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**118**	**112**	**5.3%**	**475**	**456**	**4.1%**
Giá vốn hàng bán	78.3	74.9	4.5%	320	314	2.1%
Lợi nhuận gộp	39.6	37.1	6.8%	155	143	8.5%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.37	-55.9%	1.56	1.30	19.7%
Chi phí TC	1.74	2.23	-22.0%	8.29	9.82	-15.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		8.29	9.82	-15.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.00	8.59	-6.9%	44.5	39.1	13.8%
Chi phí QLDN	**10.6**	**7.60**	**40.0%**	**33.8**	**27.1**	**24.6%**
LN thuần từ HĐKD	19.4	19.1	1.6%	69.7	67.8	2.8%
Lợi nhuận khác	**0.20**	**0.96**	**-79.2%**	**0.48**	**1.71**	**-72.2%**
LN trước thuế	19.6	20.1	-2.5%	70.1	69.5	0.9%
Lợi nhuận sau thuế	**17.6**	**23.5**	**-25.0%**	**62.9**	**62.1**	**1.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.6**	**23.5**	**-25.0%**	**62.9**	**62.1**	**1.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.5	54.2	-25.9	37.6	59.3	39.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.5	-48.4	-3.70	-19.7	-28.7	-50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.7	-8.98	14.4	-3.50	-43.9	-4.38
Tiền đầu kỳ	58.2	48.5	45.4	30.1	44.5	31.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.69**	**-3.11**	**-15.3**	**14.3**	**-13.2**	**-16.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.5	45.4	30.1	44.5	31.3	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**715**	**693**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	62.1	96.5	-35.7%
Tiền và tương đương tiền	15.3	45.4	-66.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.60	0	
Phải thu ngắn hạn	29.1	27.5	5.6%
Hàng tồn kho	15.6	19.6	-20.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.52	3.98	-61.8%
Tài sản dài hạn	**653**	**596**	**9.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	538	559	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	86.3	19.6	339%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.5**	**17.4**	**63.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	278	265	4.7%
Nợ ngắn hạn	**147**	**140**	**4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	21.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.0	36.3	-28.4%
Nợ dài hạn	131	125	4.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	129	123	5.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**437**	**427**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**437**	**427**	**2.4%**
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)